

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

TÊN MÔN:

MÃ MÔN:

Ngày thi: 27/12/2012

BẢNG GHI ĐIỂM

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN HỌC/MÔ ĐUN

TỔNG QUAN DU LỊCH

TOU 2151

Lớp: N18DLK

Tín chỉ: 3

Học kì: 1

Lần thi: 1

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH		LỚP	Điểm thành phần				ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
					A	Điểm kiểm tra định kỳ					SỐ	CHỮ		
					10%					30%	60%	100%		
(1)	(2)	(3)				1	1	1		(10)				
1	1812719005	Lê Tú Anh	N18DLK1	6	8	8	7.5		7.8	7	7.1	Bảy phẩy Một		
2	1813719016	Trần Lê Quốc Bảo	N18DLK1	5	7	8	5.5		6.8	4.5	0.0	Không		
3	1813719019	Nguyễn Cao Cấp	N18DLK1	6	6	7	8		7.0	4.3	0.0	Không		
4	1813719056	Dụng Anh Đức	N18DLK1	6	7	8	8		7.7	5.3	6.1	Sáu phẩy Một		
5	1812719033	Nguyễn Thị Thùy Dung	N18DLK1	6	7	6.5	5		6.2	V	0.0	Không		
6	1812719043	Hoàng Mộng Duyên	N18DLK1	8	6.5	7	8		7.2	8	7.8	Bảy phẩy Tám		
7	1812719059	Nguyễn Thị Hương Giang	N18DLK1	7	8	7.5	7		7.5	6	6.6	Sáu phẩy Sáu		
8	1812719065	Phan Thị Thu Hà	N18DLK1	8	8	7	8		7.7	5	6.1	Sáu phẩy Một		
9	1813719061	Đinh Ngọc Hà	N18DLK1	7	7	7	5		6.3	6.3	6.4	Sáu phẩy Bốn		
10	1812719067	Nguyễn Đặng Mỹ Hạnh	N18DLK1	0	0	0	0		0.0	0	0.0	Không	Cấm thi	
11	1812719076	Nguyễn Thị Kim Hiền	N18DLK1	9	7.5	7	7		7.2	4.5	0.0	Không		
12	1812719074	Nguyễn Trần Thu Hiền	N18DLK1	9	7	6	9		7.3	6.5	7.0	Bảy		
13	1813719080	Nguyễn Quốc Hiếu	N18DLK1	5	8	7	7		7.3	7	6.9	Sáu phẩy Chín		
14	1813719088	Phan Trọng Hoan	N18DLK1	8	7.5	7	8		7.5	6	6.7	Sáu phẩy Bảy		
15	1813719096	Bùi Quang Huy	N18DLK1	8	6	7	7		6.7	4.5	0.0	Không		
16	1812719103	Trương Thị Như Kha	N18DLK1	0	0	0	0		0.0	0	0.0	Không	Cấm thi	
17	1813719107	Hồ Nguyễn Anh Khoa	N18DLK1	6	6.5	7	7		6.8	7.3	7.0	Bảy		
18	1813719127	Nguyễn Thành Long	N18DLK1	9	7.5	8	9		8.2	6	7.0	Bảy		
19	1812719134	Nguyễn Hương Ly	N18DLK1	7	7	6	8		7.0	6	6.4	Sáu phẩy Bốn		
20	1812719168	Trần Thị Hiền Nhi	N18DLK1	8	8	7.5	7		7.5	7.5	7.6	Bảy phẩy Sáu		
21	1813719174	Trương Minh Nhựt	N18DLK1	9	8	7	8.5		7.8	6	6.8	Sáu phẩy Tám		
22	1813719188	Trần Đăng Phúc	N18DLK1	8	6.5	7	9		7.5	5.5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
23	1813719190	Dương Tấn Phụng	N18DLK1	8	7	7.5	7.5		7.3	4	0.0	Không		
24	1813719192	Nguyễn Phước	N18DLK1	5	5	7	6		6.0	5	5.3	Năm phẩy Ba		
25	1812719195	Nguyễn Thị Thanh Phương	N18DLK1	8	6	7.5	7.5		7.0	6.5	6.8	Sáu phẩy Tám		
26	1812719204	Nguyễn Thị Như Quyên	N18DLK1	0	0	0	0		0.0	0	0.0	Không	Cấm thi	
27	1813719208	Phùng Ngọc Quỳnh	N18DLK1	9	7.5	8	6		7.2	5	6.1	Sáu phẩy Một		
28	1812719211	Lê Thị Như Quỳnh	N18DLK1	9	7.5	8	8		7.8	7	7.4	Bảy phẩy Bốn		
29	1813719214	Huỳnh Thanh Ry	N18DLK1	0	7	7.5	0		4.8	0	0.0	Không	Cấm thi	
30	1812719222	Vô Huyền Tổ Tâm	N18DLK1	10	7	8	5		6.7	V	0.0	Không		
31	1812719234	Trần Việt Thảo	N18DLK1	5	7	7.5	5		6.5	3.5	0.0	Không		
32	1812719231	Nguyễn Thị Thanh Thảo	N18DLK1	8	8	8	8		8.0	5.5	6.5	Sáu phẩy Năm		
33	1812719237	Nguyễn Thị Thanh Thê	N18DLK1	5	6.5	7	6		6.5	3.5	0.0	Không		
34	1812719245	Đặng Thị Hoài Thu	N18DLK1	8	7	7	8		7.3	5	6.0	Sáu		
35	1812719258	Nguyễn Phước Tôn Nữ Thương	N18DLK1	6	5	8	8		7.0	7.5	7.2	Bảy phẩy Hai		
36	1812719250	Lê Thị Như Thùy	N18DLK1	6	7.5	8	7		7.5	V	0.0	Không		
37	1813719261	Đặng Vũ Tiến	N18DLK1	6	7	8	7		7.3	5	5.8	Năm phẩy Tám		
38	1813719263	Trần Tín	N18DLK1	10	7.5	7	9		7.8	6.5	7.2	Bảy phẩy Hai		
39	1813719267	Tiêu Phi Toàn	N18DLK1	9	6	8	7.5		7.2	6.5	7.0	Bảy		

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

TÊN MÔN:

MÃ MÔN:

Ngày thi: 27/12/2012

BẢNG GHI ĐIỂM

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN HỌC/MÔ ĐUN

TỔNG QUAN DU LỊCH

TOU 2151

Lớp: N18DLK

Tín chỉ: 3

Học kì: 1

Lần thi: 1

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH		LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
40	1812719274	Lê Thị Trâm	N18DLK1	0	0	0	0		0.0	0	0.0	Không	Cấm thi	
41	1812719272	Huỳnh Huyền Trâm	N18DLK1	5	8	7	5		6.7	5.5	5.8	Năm phẩy Tám		
42	1812719268	Nguyễn Thị Thùy Trang	N18DLK1	8	6	7.5	8		7.2	2	0.0	Không		
43	1812719302	Cao Thanh Vân	N18DLK1	6	7	7	6		6.7	6.5	6.5	Sáu phẩy Năm		
44	1812719303	Trần Thị Kiều Vân	N18DLK1	6	7	7.5	6		6.8	6	6.2	Sáu phẩy Hai		
45	1812719311	Trương Thị Von	N18DLK1	6	7	8	5		6.7	8.5	7.7	Bảy phẩy Bảy		
46	1813719314	Phạm Hoàng Vũ	N18DLK1	6	6	7.5	7		6.8	5.5	5.9	Năm phẩy Chín		
47	1812719323	Trương Nguyễn Như Ý	N18DLK1	9	8	8	7.5		7.8	7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy		
48	1813719015	Nguyễn Thiên Ân	N18DLK2	0	0	0	0		0.0	0	0.0	Không	Cấm thi	
49	1812719007	Cao Xuân Hoàng Anh	N18DLK2	8	6	7	8		7.0	3.5	0.0	Không		
50	1812719017	Huỳnh Thị Bình	N18DLK2	5	6	7	7		6.7	5	5.5	Năm phẩy Năm		
51	1813719018	Huỳnh Kim Cảnh	N18DLK2	6	7	7	7		7.0	7	6.9	Sáu phẩy Chín		
52	1813719049	Trần Quang Đạt	N18DLK2	6	7	7.5	8		7.5	6.8	6.9	Sáu phẩy Chín		
53	1812719028	Bùi Lê Thúy Diễm	N18DLK2	8	7	7	7		7.0	5.8	6.4	Sáu phẩy Bốn		
54	1812719053	Nguyễn Thị Đông	N18DLK2	9	6.5	7	8.5		7.3	6	6.7	Sáu phẩy Bảy		
55	1812719035	Nguyễn Thị Phương Dung	N18DLK2	9	6	7.5	8		7.2	7	7.3	Bảy phẩy Ba		
56	1812719034	Dương Thị Thùy Dung	N18DLK2	9	6	7	8		7.0	7	7.2	Bảy phẩy Hai		
57	1813719036	Đỗ Yên Dũng	N18DLK2	7	6.5	7	7.5		7.0	5	5.8	Năm phẩy Tám		
58	1813719045	Hoàng Hải Dương	N18DLK2	9	7	8	8		7.7	5	6.2	Sáu phẩy Hai		
59	1812719047	Lê Trùng Dương	N18DLK2	7	6.5	7	7		6.8	4.3	0.0	Không		
60	1813719046	Phan Văn Dương	N18DLK2	6	7	7.5	5		6.5	4.3	0.0	Không		
61	1813719040	Nguyễn Ngọc Duy	N18DLK2	7	6.5	7	7		6.8	2.3	0.0	Không		
62	1812719087	Nguyễn Thị Hạ Hoài	N18DLK2	8	8	8	7		7.7	6.3	6.9	Sáu phẩy Chín		
63	1812719093	Nguyễn Thị Kim Hồng	N18DLK2	9	6.5	7	8		7.2	7.3	7.4	Bảy phẩy Bốn		
64	1813719099	Trần Đức Hưng	N18DLK2	5	5	7	7		6.3	5	5.4	Năm phẩy Bốn		
65	1813719105	Nguyễn Phú Khánh	N18DLK2	5	6	8	5		6.3	5	5.4	Năm phẩy Bốn		
66	1813719116	Phùng Duy Lãm	N18DLK2	5	6.5	7	6		6.5	7	6.7	Sáu phẩy Bảy		
67	1813719132	Tô Minh Lợi	N18DLK2	7	7.5	8	8		7.8	5	6.0	Sáu		
68	1812719135	Đoàn Thị Như Mai	N18DLK2	7	7	7.5	7		7.2	5	5.9	Năm phẩy Chín		
69	1812719138	Võ Thùy Bảo My	N18DLK2	7	7	8	7		7.3	5	5.9	Năm phẩy Chín		
70	1812719142	Lê Thị Trà My	N18DLK2	5	8	7.5	5		6.8	6.5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
71	1812719145	Nguyễn Vĩnh Nam	N18DLK2	5	7	8	6		7.0	6.5	6.5	Sáu phẩy Năm		
72	1812719148	Nguyễn Thị Yên Ngọc	N18DLK2	8	7	8	7.5		7.5	7.3	7.4	Bảy phẩy Bốn		
73	1812719150	Phạm Thị Bích Ngọc	N18DLK2	8	8	7.5	8		7.8	8	7.9	Bảy phẩy Chín		
74	1812719167	Trương Nguyễn Yên Nhi	N18DLK2	8	7	8	8.5		7.8	6.3	6.9	Sáu phẩy Chín		
75	1813719171	Nguyễn Thế Nhon	N18DLK2	9	7	8	8		7.7	5.8	6.7	Sáu phẩy Bảy		
76	1812719197	Lê Ngọc Trâm Phương	N18DLK2	5	8	5	6		6.3	V	0.0	Không		
77	1812719206	Phan Thị Bảo Quyên	N18DLK2	9	7	7	9		7.7	5	6.2	Sáu phẩy Hai		
78	1812719210	Trần Thị Quỳnh	N18DLK2	7	7.5	8	7		7.5	6.3	6.7	Sáu phẩy Bảy		
79	1812719219	Trần Thị Tâm	N18DLK2	7	7	8	7.5		7.5	6.6	6.9	Sáu phẩy Chín		
80	1812719228	Phùng Thị Thiên Thanh	N18DLK2	9	8	7	8		7.7	2.5	0.0	Không		

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

TÊN MÔN:

MÃ MÔN:

Ngày thi: 27/12/2012

BẢNG GHI ĐIỂM

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN HỌC/MÔ ĐUN

TỔNG QUAN DU LỊCH

TOU 2151

Lớp: N18DLK

Tín chỉ: 3

Học kì: 1

Lần thi: 1

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH		LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
81	1813719239	Lê Xuân	Thiện	N18DLK2	8	6	7	8		7.0	5.3	6.1	Sáu phẩy Một	
82	1812719257	Nguyễn Diệu Anh	Thư	N18DLK2	8	7	7.5	5		6.5	6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
83	1812719249	Nguyễn Thị Thu	Thùy	N18DLK2	8	7.5	8	8		7.8	5.5	6.4	Sáu phẩy Bốn	
84	1812719271	Tôn Nguyễn Huyền	Trâm	N18DLK2	8	7	8	8		7.7	7.5	7.6	Bảy phẩy Sáu	
85	1812719269	Nguyễn Võ Hoàng	Trang	N18DLK2	7	7	8	6.5		7.2	5	5.9	Năm phẩy Chín	
86	1813719287	Phạm Ngọc	Trung	N18DLK2	9	7	7.5	8		7.5	6.3	6.9	Sáu phẩy Chín	
87	1812719297	Lâm Thảo	Uyên	N18DLK2	10	8	7	8		7.7	6.5	7.2	Bảy phẩy Hai	
88	1813719308	Trần Viết	Viễn	N18DLK2	8	8	7.5	9		8.2	5	6.3	Sáu phẩy Ba	
89	1813719318	Trần Viết	Vương	N18DLK2	5	8	7	7		7.3	5.8	6.2	Sáu phẩy Hai	
90	1812719014	Lê Thị Ngọc	Ánh	N18DLK3	7	7	7	8		7.3	2.5	0.0	Không	
91	1812719012	Hồ Thị Ngọc	Ánh	N18DLK3	0	0	0	0		0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
92	1812719020	Nguyễn Thị Minh	Châu	N18DLK3	8	9	8	7		8.0	7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy	
93	1812719031	Nguyễn Thị Thanh	Dung	N18DLK3	6	7.5	8	7		7.5	3.5	0.0	Không	
94	1812719062	Trần Thị Thu	Hà	N18DLK3	9	6.5	8	7		7.2	3.5	0.0	Không	
95	1812719073	Lê Thị Diệu	Hiền	N18DLK3	7	7	7	7		7.0	2.8	0.0	Không	
96	1812719086	Nguyễn Thị Thương	Hoài	N18DLK3	0	0	0	0		0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
97	1813719090	Đoàn Văn	Hoàng	N18DLK3	9	6	8	8		7.3	4	0.0	Không	
98	1813719110	Nguyễn Đức	Khôi	N18DLK3	7	7.5	7	6		6.8	3.3	0.0	Không	
99	1812719111	Lê Nguyên Trà	Khúc	N18DLK3	10	6.5	8	7		7.2	2.5	0.0	Không	
100	1812719113	Trần Thị	La	N18DLK3	8	8	9	8		8.3	2	0.0	Không	
101	1812719115	Võ Thị Tương	Lai	N18DLK3	8	7	8	7		7.3	V	0.0	Không	
102	1812719124	Nguyễn Thảo	Linh	N18DLK3	8	7	9	8		8.0	5	6.2	Sáu phẩy Hai	
103	1812719125	Mai Nguyễn Quỳnh	Loan	N18DLK3	8	7	5	8		6.7	1.5	0.0	Không	
104	1813719131	Trần Thanh	Lợi	N18DLK3	7	5	8	7		6.7	2.5	0.0	Không	
105	1812719139	Trần Thảo	My	N18DLK3	5	7	8	8		7.7	2	0.0	Không	
106	1812719149	Nguyễn Xuân Phương	Ngọc	N18DLK3	8	5	7	8		6.7	8	7.6	Bảy phẩy Sáu	
107	1812719152	Lê Kim Hạnh	Nguyên	N18DLK3	7	8	8	7		7.7	5.8	6.5	Sáu phẩy Năm	
108	1812719166	Đoàn Trần Ý	Nhi	N18DLK3	9	7	8	7		7.3	6	6.7	Sáu phẩy Bảy	
109	1812719172	Nguyễn Thị Huyền	Nhung	N18DLK3	7	7	8	7		7.3	8	7.7	Bảy phẩy Bảy	
110	1812719177	Lê Thị Kiều	Oanh	N18DLK3	0	0	0	0		0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
111	1812719180	Nguyễn Thị Mai	Phi	N18DLK3	7	6	8	7		7.0	7.5	7.3	Bảy phẩy Ba	
112	1812719184	Thái Hồng	Phúc	N18DLK3	0	0	0	0		0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
113	1813719186	Lê Hồng	Phúc	N18DLK3	6	7	8	8		7.7	6.3	6.7	Sáu phẩy Bảy	
114	1813719185	Phạm Đắc Hoàng	Phúc	N18DLK3	9	5	7	7		6.3	6.8	6.9	Sáu phẩy Chín	
115	1813719191	Nguyễn Chánh	Phước	N18DLK3	10	8	8	7		7.7	7.5	7.8	Bảy phẩy Tám	
116	1812719196	Phan Hồng	Phương	N18DLK3	9	7	8	8		7.7	8.3	8.2	Tám phẩy Hai	
117	1813719202	Lê Trung	Quốc	N18DLK3	8	8	5	7		6.7	8.5	7.9	Bảy phẩy Chín	
118	1812719205	Nguyễn Thị Hoàng	Quyên	N18DLK3	6	6	8	5		6.3	5	5.5	Năm phẩy Năm	
119	1813219575	Phạm Ngọc	Sơn	N18DLK3	5	5	7	7		6.3	6.5	6.3	Sáu phẩy Ba	
120	1813719218	Võ Chí	Tâm	N18DLK3	9	7	7	7		7.0	9.5	8.7	Tám phẩy Bảy	
121	1813719226	Nguyễn Hồng	Thanh	N18DLK3	0	0	0	0		0.0	0	0.0	Không	Cấm thi

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH		LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
122	1813719229	Ngô Trương Duy	Thành	N18DLK3	9	7.5	7	7		7.2	7	7.3	Bảy phẩy Ba	
123	1812719232	Lê Huỳnh Hiếu	Thảo	N18DLK3	10	8	9	8		8.3	9.5	9.2	Chín phẩy Hai	
124	1812719230	Phạm Phương	Thảo	N18DLK3	7	6	8	7		7.0	5	5.8	Năm phẩy Tám	
125	1813719242	Cao Phan Quốc	Thọ	N18DLK3	5	5	6	5		5.3	6.3	5.9	Năm phẩy Chín	
126	1812719252	Võ Thị Ánh	Thủy	N18DLK3	8	7	7	7		7.0	5.8	6.4	Sáu phẩy Bốn	
127	1812719253	Bùi Thị Thanh	Thủy	N18DLK3	0	0	0	0		0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
128	1813719266	Mai Đình	Toàn	N18DLK3	8	7	8	8		7.7	4	0.0	Không	
129	1812719275	Phạm Thị	Trâm	N18DLK3	7	7.5	8	7		7.5	5	6.0	Sáu	
130	1812719273	Nguyễn Thị Bích	Trâm	N18DLK3	9	8	8	8		8.0	5.3	6.5	Sáu phẩy Năm	
131	1813719288	Nguyễn Nhật	Trường	N18DLK3	5	8	8	5		7.0	7.5	7.1	Bảy phẩy Một	
132	1813719289	Đỗ Thanh	Tú	N18DLK3	8	5	7	7		6.3	7.5	7.2	Bảy phẩy Hai	
133	1813719295	Trần Mai Phước	Tùng	N18DLK3	0	5	8	0		4.3	0	0.0	Không	Cấm thi
134	1813719307	Huỳnh Văn	Vĩ	N18DLK3	8	6.5	7	7		6.8	7.3	7.2	Bảy phẩy Hai	
135	1813719309	Cao Xuân	Vinh	N18DLK3	0	0	0	0		0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
136	1813719312	Võ Nguyên	Vũ	N18DLK3	6	5	8	7		6.7	7.3	7.0	Bảy	
137	1812719319	Phan Thúy	Vy	N18DLK3	7	8	7	7		7.3	6	6.5	Sáu phẩy Năm	
138	1812719324	Nguyễn Thị Kim	Yến	N18DLK3	7	6	8	8		7.3	7.5	7.4	Bảy phẩy Bốn	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	94	68%	
2	Số sinh viên nợ	44	32%	
TỔNG CỘNG :		138	100%	

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 01 năm 2013

LẬP BẢNG

KIỂM TRA

(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA

(ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Nguyễn Hữu Phú